

Số: /HD-SXD

Bình Định, ngày tháng 11 năm 2021

## HƯỚNG DẪN

### **Xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đường bê tông xi măng thuộc Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh**

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 94/2020/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1377/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành thiết kế mẫu mặt đường bê tông xi măng để thực hiện Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện Văn bản số 6961/UBND-KT ngày 03/11/2021 của UBND tỉnh về việc Hướng dẫn một số nội dung trong công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình đường BTXM thuộc Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh,

Sở Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đường bê tông xi măng thuộc Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn, giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là công trình GTNT giai đoạn 2021-2025) trên địa bàn tỉnh như sau:

#### **I. Phạm vi áp dụng:**

Hướng dẫn này áp dụng cho việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với các công trình GTNT giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Không áp dụng các quy định trong Hướng dẫn này cho các công trình đầu tư xây dựng khác, kể cả các công trình sử dụng nguồn vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới

có sử dụng nguồn xi măng do tỉnh hỗ trợ.

## **II. Xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:**

Chi phí đầu tư xây dựng công trình GTNT giai đoạn 2021-2025 được xác định bằng dự toán xây dựng công trình theo thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được duyệt.

Dự toán xây dựng công trình bao gồm: Chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng.

Việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo quy định hiện hành chung của Nhà nước và các quy định cụ thể như sau:

### **1. Đối với công trình tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn và thi công xây dựng:**

Áp dụng cho các công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, có tính chất đặc điểm địa hình, địa chất, thủy văn phức tạp như công trình làm mới, nền đường cần mở rộng, có công trình thoát nước trên tuyến, các yếu tố kỹ thuật không đảm bảo.

Dự toán xây dựng công trình được xác định theo công thức sau:

$$G_{XDCT} = G_{XD} + G_{TB} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K + G_{DP} \quad (1.1)$$

Trong đó:

- $G_{XD}$ : chi phí xây dựng;
- $G_{TB}$ : chi phí thiết bị;
- $G_{QLDA}$ : chi phí quản lý dự án;
- $G_{TV}$ : chi phí tư vấn đầu tư xây dựng;
- $G_K$ : chi phí khác;
- $G_{DP}$ : chi phí dự phòng.

1.1. Chi phí xây dựng ( $G_{XD}$ ): gồm chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng.

a) Chi phí trực tiếp (T) gồm: Chi phí vật liệu (kể cả vật liệu do chủ đầu tư cấp), chi phí nhân công, chi phí máy và thiết bị thi công. Trong đó:

- Khối lượng các công tác xây dựng được đo bóc từ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và định mức kinh tế kỹ thuật.

- Giá vật liệu là giá đến hiện trường công trình, bao gồm: giá tại nguồn cung cấp; chi phí vận chuyển; chi phí bốc xếp, vận chuyển nội bộ, hao hụt (nếu có), được xác định phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng vật liệu được quy định theo yêu cầu sử dụng vật liệu của công trình. Riêng vật liệu xi măng được hỗ trợ theo quy định của tỉnh được cung cấp đến chân công trình, cước vận chuyển tính theo Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá cước vận chuyển xi măng cung cấp cho Chương trình Bê tông giao thông nông thôn và kiên cố hóa kênh mương.

- Giá mua vật liệu được xác định trên cơ sở tham khảo Thông báo công bố giá vật liệu hàng tháng của Liên sở Xây dựng – Tài chính. Trường hợp giá theo Thông báo công bố giá không có hoặc không phù hợp thì căn cứ vào chứng từ, hóa đơn hợp lệ phù hợp với mặt bằng giá cả thị trường.

- Chi phí vận chuyển vật liệu đến công trình xác định trên cơ sở phương án vận chuyển (cự ly, cấp đường vận chuyển, loại, tải trọng phương tiện vận chuyển) phù hợp với điều kiện thi công xây dựng công trình.

b) Chi phí gián tiếp (GT) gồm:

- Chi phí chung (C): Xác định theo quy định tại điểm 1.2 Mục II Phụ lục III kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, điều chỉnh giảm với hệ số  $K=0,5$ .

- Chi phí nhà tạm để ở và điều hành thi công (LT): Không tính vào dự toán xây dựng công trình.

- Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế (TT): Xác định theo quy định tại điểm 3.2 Mục II Phụ lục III kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng, điều chỉnh giảm với hệ số  $K=0,5$ .

c) Thu nhập chịu thuế tính trước (TL): Được tính bằng 4% trên chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp trong dự toán chi phí xây dựng.

d) Thuế giá trị gia tăng (GTGT): Được tính bằng 10% trên chi phí xây dựng trước thuế.

1.2. Chi phí quản lý dự án: Điều chỉnh giảm với hệ số  $K=0.5$  so với quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

1.3. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở: Điều chỉnh giảm với hệ số  $K=0.5$  so với quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng. Đối với các hạng mục có yêu cầu thiết kế riêng không thuộc thiết kế mẫu do cấp có thẩm quyền ban hành như: Công trình thoát nước trên tuyến (rãnh dọc, cống qua đường, cầu bản...); xử lý nền đường; gia cố mái ta luy... thì chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được xác định theo quy định

hiện hành.

- Chi phí thẩm tra thiết kế, dự toán (nếu có): Điều chỉnh giảm với hệ số  $K=0.5$  so với quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng nhưng tối thiểu không nhỏ hơn 1.000.000 đồng.

- Chi phí khảo sát xây dựng: Được xác định theo Phụ lục V kèm theo kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng trên cơ sở khối lượng trắc dọc, trắc ngang, thủy chuẩn kỹ thuật trong phạm vi tuyến công trình và định mức kinh tế kỹ thuật.

- Chi phí liên quan đến việc lựa chọn nhà thầu: Điều chỉnh giảm với hệ số  $K=0.5$  so với quy định.

- Chi phí giám sát thi công xây dựng: Xác định theo quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

#### 1.4. Chi phí khác:

- Chi phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở: Điều chỉnh giảm với hệ số  $K=0.5$  so với quy định.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Điều chỉnh giảm với hệ số  $K=0,5$  so với quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính.

- Chi phí bảo hiểm công trình: Không tính vào dự toán xây dựng công trình.

1.5. Chi phí dự phòng: Chỉ tính chi phí dự phòng do phát sinh khối lượng với mức tỷ lệ không quá 5%; không tính chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong thời gian xây dựng công trình.

## **2. Đối với công trình do địa phương tự tổ chức tổ, đội thi công do người dân vùng hưởng lợi thực hiện:**

Khuyến khích áp dụng cho các công trình quy mô nhỏ, có yêu cầu kỹ thuật đơn giản, như: nền đường có sẵn, đù bè rộng, đáp ứng yêu cầu về chiều dày tối thiểu và độ đầm chặt của lớp đất đắp, có địa hình bằng phẳng, thủy văn đơn giản, mặt bằng tuyến thẳng, ít góc chuyển hướng.

2.1. Thiết kế bản vẽ thi công: Áp dụng thiết kế mẫu do UBND tỉnh ban hành.

2.2. Dự toán xây dựng công trình: Được xác định theo công thức (1.1) tại khoản 1 của Hướng dẫn này. Trong đó:

2.2.1. Chi phí xây dựng: gồm chi phí trực tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước. Các chi phí còn lại như: Chi phí gián tiếp, thuế giá trị gia tăng do địa phương tự tổ chức thực hiện nên không tính vào chi phí xây dựng công trình.

a) Chi phí trực tiếp: gồm các khoản mục chi phí như tại điểm a mục 1.1 khoản 1 của Hướng dẫn này; được xác định theo khối lượng các công tác xây

dựng từ hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và đơn giá xây dựng công trình tại địa phương, nhưng phải đảm bảo không vượt mức quy định khi xác định bằng định mức và các đơn giá do UBND tỉnh công bố.

b) Thu nhập chịu thuế tính trước: Được tính bằng 4% trên chi phí trực tiếp trong dự toán chi phí xây dựng.

2.2.2. Chi phí quản lý dự án: Điều chỉnh giảm với hệ số  $K=0.5$  so với quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

2.2.3. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khảo sát, thiết kế: Chủ đầu tư thực hiện khảo sát, đo đạc (do chiều dài tuyến, trắc ngang điển hình) để lựa chọn thiết kế mẫu cho phù hợp. Chi phí này không tính vào giá thành công trình.

- Chi phí lập dự toán xây dựng công trình: Việc lập dự toán xây dựng công trình do Chủ đầu tư tự thực hiện. Trường hợp Chủ đầu tư không đủ năng lực thì thuê tổ chức, cá nhân đảm bảo điều kiện năng lực theo quy định để lập dự toán. Chi phí thuê tổ chức, cá nhân lập dự toán được xác định không quá 12% của chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

- Chi phí giám sát thi công xây dựng: Xác định theo quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

2.2.4. Chi phí khác:

- Phí thẩm định dự toán: Điều chỉnh giảm với hệ số  $K=0.5$  so với quy định.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Điều chỉnh giảm với hệ số  $K=0,5$  so với quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính.

- Chi phí bảo hiểm công trình: Không tính vào dự toán xây dựng công trình.

2.2.5. Chi phí dự phòng: Không tính vào dự toán xây dựng công trình.

### **III. Tổ chức thực hiện:**

1. Chủ đầu tư thực hiện việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo Hướng dẫn này; thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các quy định có liên quan. Khi thực hiện thanh, quyết toán công trình căn cứ theo hình thức triển khai thực hiện để áp dụng các quy định cho phù hợp.

2. Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 01/HD-SXD ngày 06/5/2020 của Sở Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đường bê tông xi măng thuộc Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Sở Xây dựng và Sở Giao thông vận tải để nghiên cứu, giải quyết./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (*để báo cáo*);
- Các Sở: GTVT, KHĐT, TC;
- UBND các huyện, TX, TP;
- CVP (*để biết*);
- P.HTKT (*để biết*);
- Website Sở;
- Lưu: VT, P. QLXD&VLXD.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Anh Sơn**